

45. XÃ TÂN HỒNG

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Chợ Tân Hồng	Đoạn hai bên nhà lồng chợ (Đường Hùng Vương - Đường Huỳnh Công Chí)		11.800
		Các Đường còn lại của Khu vực chợ (trừ đoạn phía Đông giáp Đường Hùng Vương - Đường Huỳnh Công Chí)		6.800
2	Vòng xuyên	Quốc lộ 30 từ ngã 3 cây xăng	Cầu Đúc mới	4.200
		Huỳnh Công Chí: Vòng xuyên	Nguyễn Huệ	4.600
3	Đường nội bộ bến xe và khu dân cư thị trấn Sa Rài cũ	Toàn tuyến		4.600
4	Đường Nguyễn Huệ	Hùng Vương	Huỳnh Công Chí	12.600
		Huỳnh Công Chí	Nguyễn Văn Bảnh	6.800
		Nguyễn Văn Bảnh	Đường 30 tháng 4	5.800
		Đường 30 tháng 4	Đường 3 tháng 2	6.800
		Đường 3 tháng 2	Đường Trần Phú	5.200
		Đường Trần Phú	Cầu Thành Lập	5.000
5	Đường Hùng Vương	Ranh xã Tân Công Chí	Ngã ba cây xăng	2.400
		Ngã ba cây xăng	Cầu Đúc mới	4.400
		Cầu Đúc mới	Nguyễn Huệ	6.600
		Nguyễn Huệ	Lý Thường Kiệt	9.400
		Lý Thường Kiệt	Lê Lợi	7.000
		Lê Lợi	Cầu 72 nhịp	4.800
6	Đường Huỳnh Công Chí	Nguyễn Huệ	Lý Thường Kiệt	6.800
		Đường Huỳnh Công Chí (Lý Thường Kiệt)	Đường Lê Lợi	4.200

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
7	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	Nguyễn Văn Cơ	3.800
		Đoạn còn lại		2.400
8	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Lợi	5.800
		Đường Lê Lợi	Đê bao phía đông (hai bên)	2.000
9	Đường 3 tháng 2	Toàn tuyến		2.400
10	Đường 1 tháng 6	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trãi	2.400
		Các đoạn còn lại		2.000
11	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Toàn tuyến		2.400
12	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Công Chí	4.600
		Đường Huỳnh Công Chí	Đường Nguyễn Đình Chiểu	2.400
		Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Trần Hưng Đạo	2.400
13	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	Đường Giồng Thị Đam	2.400
14	Đường Phạm Hữu Lầu	Toàn tuyến		2.000
15	Đường Tháp Mười	Toàn tuyến		2.000
16	Đường Nguyễn Văn Cơ	Toàn tuyến		2.400
17	Đường Nguyễn Văn Bánh	Toàn tuyến		2.400
18	Đường Lê Duẩn	Đường Huỳnh Công Chí	Nguyễn Văn Cơ	2.400
19	Đường Nguyễn Trãi	Đường 1 tháng 6	Đường Giồng Thị Đam	2.400
		Đoạn còn lại		2.000
20	Đường Giồng Thị Đam	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	3.200
		Đoạn còn lại		2.000



leg

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
21	Đường Nguyễn Văn Tiệp	Đường Lê Lợi	Đê bao bờ Tây	2.400
		Đoạn còn lại		2.000
22	Đường Gò Tự Do	Toàn tuyến		2.000
23	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Toàn tuyến		2.000
24	Đường Thiên Hộ Dương	Toàn tuyến		2.400
25	Đường Phạm Ngũ Lão	Toàn tuyến		2.000
26	Đường 1 tháng 5	Toàn tuyến		2.000
27	Đường 30 tháng 4	Toàn tuyến		2.400
28	Đường 502	Nguyễn Huệ	Đê bao bờ Tây	2.000
29	Đường Trần Văn Thế	Toàn tuyến		2.400
30	Đường Nguyễn Tri Phương	Toàn tuyến		2.000
31	Đường Nguyễn Du	Toàn tuyến		2.000
32	Đường Phan Bội Châu	Toàn tuyến		2.000
33	Đường Ngô Quyền	Toàn tuyến		2.000
34	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		2.000
35	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		2.400
36	Đường còn lại không tên (thị trấn Sa Rài cũ)	Toàn tuyến		1.400
37	Chợ Thống Nhất	Đường loại 1		1.700
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
		Đường loại 4		400
38	Chợ Bình Phú	Đường loại 1		1.200
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
		Đường loại 4		400
39	Cụm dân cư Trung tâm Bình Phú	Đường loại 1		1.200
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
		Đường loại 4		400

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
40	Cụm dân cư Gò Cát, Gò Cát mở rộng 1, 2	Đường loại 1		500
		Đường loại 2		400
41	Cụm dân cư Thống Nhất	Đường loại 1		700
		Đường loại 2		600
		Đường loại 3		500
		Đường loại 4		400
42	Cụm dân cư Bắc Trang	Đường loại 1		600
		Đường loại 2		400
43	Cụm dân cư Dự Án	Đường loại 1		600
		Đường loại 2		400
44	Cụm dân cư Cà Chanh	Đường loại 1		700
		Đường loại 2		500
45	Cụm dân cư đầu kênh Sa Rài	Đường loại 1		700
		Đường loại 2		500
46	Cụm dân cư Cà Xiêm	Đường loại 1		700
		Đường loại 2		500
47	Quốc lộ 30	Cầu Thống Nhất	Ranh chợ Thống Nhất	2.400
		Ranh chợ Thống Nhất	Trạm Y tế	2.400
		Trạm Y tế	Nhà ông Nguyễn Văn Của	1.600
		Nhà ông Nguyễn Văn Của	Cầu Bắc Trang	1.200
		Cầu Bắc Trang	Cây xăng Ngọc Nhi	1.600
		Cây xăng Ngọc Nhi	Cầu Đúc Mới	2.400
		Cầu Đúc Mới	Ngã 3 Đồn Biên phòng 909	1.600
48	Đường tỉnh 843	Cầu Giồng Găng	Cầu Dút Gò Suông	1.000
		Cầu Dút Gò Suông	Cầu Thành Lập	1.200

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
49	Đường Gò Rượu	Toàn tuyến		400
50	Đường bờ Tây kênh Tân Công Chí	Toàn tuyến		400
51	Đường bờ Nam kênh Thành Lập 2	Toàn tuyến		400
52	Đường bờ Đông kênh Thống Nhất	Toàn tuyến		400
53	Đường Kho Gáo Lồng Đèn	Toàn tuyến		400
54	Đường Thống Nhất	Kênh Tân Thành Lò Gạch	Cụm dân cư Gò Cát	400
55	Đường Cả Găng (bờ đông, bờ tây)	Toàn tuyến		400
56	Đường Tuyến dân cư bờ Bắc kênh Tân Thành Lò Gạch	Toàn tuyến		500
57	Đường bờ kênh Thành Lập	Toàn tuyến		400
58	Đường Sân Bay (thị trấn Sa Rài cũ)	Toàn tuyến		1.400
59	Đường Tuần Tra Biên Giới (xã Bình Phú cũ)	Từ Cầu kênh Sa rài đến Cụm dân cư Gò Cát		500



 1/9